



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 74: 2022/BGTVT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ HỆ THỐNG CHỐNG HÀ TÀU BIỂN**

*National Technical Regulation
on Anti-Fouling Systems of Sea-going Ships*

HÀ NỘI 2022



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 74: 2022/BGTVT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ HỆ THỐNG CHỐNG HÀ TÀU BIỂN**

***National Technical Regulation
on Anti-Fouling Systems of Sea-going Ships***

HÀ NỘI 2022

Lời nói đầu

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống chống hà tàu biển QCVN 74: 2022/BGTVT do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số xx/2022/TT-BGTVT ngày xx tháng xx năm 2022.

QCVN 74: 2022/BGTVT thay thế QCVN 74: 2014/BGTVT.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ HỆ THỐNG CHỐNG HÀ TÀU BIỂN
National Technical Regulation
on Anti-Fouling Systems of Sea-going Ships

MỤC LỤC

Trang

MỤC LỤC	5
I QUY ĐỊNH CHUNG	7
1.1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	7
1.2 Tài liệu viện dẫn và giải thích từ ngữ	7
II QUY ĐỊNH KỸ THUẬT	9
CHƯƠNG 1 QUY ĐỊNH CHUNG.....	9
1.1 Quy định chung	9
CHƯƠNG 2 KIỂM TRA HỆ THỐNG CHỐNG HÀ.....	10
2.1 Quy định chung	10
2.2 Kiểm tra lần đầu trong đóng mới	12
2.3 Kiểm tra lần đầu đối với tàu không có giám sát của Đăng kiểm trong đóng mới.....	13
2.4 Kiểm tra chu kỳ.....	15
2.5 Kiểm tra bất thường	15
CHƯƠNG 3 HỆ THỐNG CHỐNG HÀ VÀ LỚP CHẮN.....	17
3.1 Quy định chung	17
3.2 Hệ thống chống hà	17
3.3 Lớp chắn	17
III QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ.....	19
1.1 Quy định chung	19
1.2 Quy định về giám sát kỹ thuật.....	19
1.3 Chứng nhận	19
IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN.....	20
1.1 Trách nhiệm của các chủ tàu, công ty khai thác, cơ sở chế tạo mới, hoán cải, phục hồi và sửa chữa hệ thống.....	20
1.2 Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam.....	20
V TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	21
PHỤ LỤC – MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHO HỆ THỐNG CHỐNG HÀ CỦA TÀU.....	22

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ HỆ THỐNG CHỐNG HÀ TÀU BIỂN

National Technical Regulation on Anti fouling systems of Sea-going ships

I QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1.1 Phạm vi điều chỉnh

- 1 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia này (sau đây viết tắt là "Quy chuẩn") áp dụng cho việc kiểm tra và chế tạo các hệ thống được sử dụng trên tàu biển như được định nghĩa ở 1.2.2 do Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra và phân cấp (sau đây viết tắt là "tàu") nhằm hạn chế và ngăn ngừa các sinh vật không mong muốn bám vào tàu.
- 2 Quy chuẩn này không áp dụng cho các hệ thống chống hà trên các tàu có chiều dài nhỏ hơn 24 m.

1.1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến hệ thống chống hà trên tàu biển thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại 1.1.1 là: Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây viết tắt là "Đăng kiểm"); các chủ tàu; cơ sở đóng mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa và khai thác tàu.

1.2 Tài liệu viện dẫn và giải thích từ ngữ

1.2.1 Các tài liệu viện dẫn

- 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép.
- 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc.
- 3 Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.
- 4 AFS 2001: Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu (International Convention on the Control of Harmful Anti-Fouling Systems on Ships) được Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) thông qua ngày 05/10/2001 và các sửa đổi, bổ sung.
- 5 Nghị quyết MEPC.356(78) được IMO thông qua ngày 10/06/2022: Hướng dẫn năm 2022 đối với việc lấy mẫu nhanh hệ thống chống hà trên tàu (2022 Guidelines for Brief Sampling of Anti-Fouling Systems on Ships).

1.2.2 Giải thích từ ngữ

Nếu không có quy định nào khác, các thuật ngữ dùng trong Quy chuẩn này được định nghĩa như ở (1) đến (6) dưới đây:

- (1) "Hệ thống chống hà" có nghĩa là lớp phủ, sơn, biện pháp xử lý bề mặt, bề mặt, hoặc

thiết bị được sử dụng trên tàu nhằm hạn chế hoặc ngăn chặn các sinh vật không mong muốn bám vào tàu.

- (2) “Công ước” là Công ước quốc tế về kiểm soát các hệ thống chống hà độc hại của tàu (International Convention on the Control of Harmful Anti-Fouling Systems on Ships), 2001.
- (3) “Tàu có giai đoạn bắt đầu đóng mới” là những tàu thỏa mãn định nghĩa được nêu ra ở 1.2.14 Phần 1A của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép hoặc 1.2.2-53 Mục I của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển cao tốc.
- (4) “Thay đổi hệ thống chống hà” là việc loại bỏ hoàn toàn hoặc bất cứ phần nào của hệ thống chống hà hiện có mà không thỏa mãn các yêu cầu ở 3.2 Mục II của Quy chuẩn này; hoặc bất cứ thay đổi nào về kiểu của các hệ thống đó trên tàu.
- (5) “Thay thế hệ thống chống hà” là việc sử dụng bất kỳ hệ thống chống hà nào giống hệt hệ thống đã được sử dụng trước đó và thỏa mãn các yêu cầu đưa ra ở 3.2 Mục II của Quy chuẩn này.
- (6) “Chiều dài tàu” là chiều dài để xác định mạn khô được định nghĩa ở 1.2.21 Phần 1A Mục II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép.
- (7) “Tàu biển” là các loại phương tiện hoạt động trong môi trường biển và bao gồm tàu cánh ngầm, tàu đệm khí, tàu lặn, tàu nổi, giàn cố định hoặc di động, kho chứa nổi (FSU) và kho chứa nổi dùng để sản xuất, chứa và xuất dầu (FPSO).

II QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

CHƯƠNG 1 QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Quy định chung

1.1.1 Thay thế tương đương

Các hệ thống chống hà không hoàn toàn thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn này có thể được chấp nhận nếu Đăng kiểm xác định chúng thỏa mãn các yêu cầu tương đương với các quy định trong Quy chuẩn này.

CHƯƠNG 2 KIỂM TRA HỆ THỐNG CHỐNG HÀ

2.1 Quy định chung

2.1.1 Các loại kiểm tra

1 Các hệ thống chống hà trên tàu đã được chứng nhận hoặc dự định chứng nhận phải chịu các hình thức kiểm tra dưới đây:

(1) Kiểm tra lần đầu hệ thống chống hà (sau đây gọi tắt là "Kiểm tra lần đầu")

(a) Kiểm tra lần đầu trong quá trình đóng mới

Kiểm tra lần đầu được tiến hành trong quá trình kiểm tra phân cấp tàu trong đóng mới, dựa trên đề nghị kiểm tra được đưa ra trước khi áp dụng bất kỳ hệ thống chống hà nào lên tàu.

(b) Kiểm tra lần đầu đối với tàu không có giám sát của Đăng kiểm trong đóng mới

Là kiểm tra lần đầu mà không giống quy định nêu ở (a) bên trên.

(2) Kiểm tra trong quá trình tàu hoạt động

(a) Kiểm tra chu kỳ;

(b) Kiểm tra bất thường;

(c) Kiểm tra không theo kế hoạch.

2 Mặc dù quy định ở -1 trên, giàn cố định hoặc di động, kho chứa nổi (FSU) và kho chứa nổi dùng để sản xuất, chứa và xuất dầu (FPSO) không phải áp dụng các quy định về kiểm tra nêu ở Chương này.

2.1.2 Thời điểm kiểm tra

1 Thời điểm kiểm tra được quy định từ (1) đến (4) dưới đây. Việc kiểm tra quy định ở (1), (3) và (4) thường được thực hiện trong ụ khô hoặc trên đường triền.

(1) Kiểm tra lần đầu phải được tiến hành tại thời điểm đề nghị kiểm tra;

(2) Kiểm tra chu kỳ phải được tiến hành tại thời điểm kiểm tra trên đà đối với phân cấp tàu (ví dụ tại các thời điểm nêu ra ở 1.1.3-1(3) và (4) Phần 1B Mục II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép);

(3) Kiểm tra bất thường phải được tiến hành khi xảy ra các trường hợp dưới đây mà không rơi vào thời điểm kiểm tra lần đầu hoặc kiểm tra chu kỳ. Để thực hiện kiểm tra bất thường thay cho việc kiểm tra thông thường theo truyền thống mà cần có mặt của đăng kiểm viên thì Đăng kiểm có thể chấp nhận các phương pháp kiểm tra khác với điều kiện việc kiểm tra đó có thể mang lại các thông tin tương đương. Kiểm tra chu kỳ có thể thay thế cho kiểm tra bất thường trong các trường hợp mà nguyên nhân của việc tiến hành kiểm tra bất thường đã được làm rõ tại lần kiểm tra chu kỳ.

(a) Trong trường hợp mà hệ thống chống hà trên tàu bị thay đổi hoặc thay thế. Nếu việc sửa chữa chỉ làm ảnh hưởng đến hệ thống chống hà dưới 25% thì hệ thống chống hà đó không cần phải coi là bị thay đổi hoặc thay thế. Trong mọi trường

hợp, hệ thống chống hà được áp dụng mới lên tàu phải thỏa mãn quy định ở 3.2 và các bản vẽ, hồ sơ (hoặc bản sao của chúng) liên quan đến việc sửa chữa phải được lưu giữ ở trên tàu giống như đối với các bản vẽ, hồ sơ quy định ở mục 2.2.2 và 2.3.2.

- (b) Trong trường hợp tàu có bất kỳ hoán cải lớn nào mà gây ảnh hưởng đến hệ thống chống hà trên tàu. Các hoán cải lớn này gồm có:
 - (i) Hoán cải làm ảnh hưởng đến các kích thước chủ yếu của tàu (chiều dài, chiều rộng, chiều cao mạn);
 - (ii) Hoán cải làm thay đổi đáng kể đến kết cấu thân tàu, bao gồm việc thay đổi và sửa chữa các cơ cấu thân tàu cùng với việc thay đổi đáng kể kết cấu thân tàu;
 - (iii) Các hoán cải khác ngoài trường hợp được nêu ở (i) và (ii) trên mà làm thay đổi đáng kể hệ thống chống hà của tàu.
 - (c) Trong trường hợp chủ tàu đề nghị kiểm tra.
 - (d) Trong các trường hợp khác mà Đăng kiểm thấy cần thiết phải tiến hành kiểm tra bất thường.
- (4) Tàu được phân cấp có thể phải được kiểm tra không theo kế hoạch nếu thấy cần thiết phải xác nhận tình trạng tàu thông qua việc kiểm tra trong các trường hợp mà Đăng kiểm thấy rằng hệ thống chống hà không tiếp tục tuân thủ Quy chuẩn này hoặc không được duy trì đúng cách. Tại đợt kiểm tra không theo kế hoạch, việc điều tra, kiểm tra hoặc thử nghiệm phải được thực hiện thỏa mãn yêu cầu của đăng kiểm viên đối với các vấn đề được quan tâm.

2.1.3 Kiểm tra chu kỳ trước thời hạn và hoãn kiểm tra

Các yêu cầu đối với việc kiểm tra chu kỳ trước thời hạn và hoãn kiểm tra phải phù hợp với các yêu cầu liên quan tới kiểm tra chu kỳ đối với phân cấp tàu (ví dụ: 1.1.4 hoặc 1.1.5 Phần 1B Mục II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng tàu biển vỏ thép).

2.1.4 Tàu ngừng hoạt động

- 1 Tàu ngừng hoạt động không phải kiểm tra chu kỳ. Tuy nhiên, tàu có thể thực hiện kiểm tra bất thường nếu chủ tàu yêu cầu.
- 2 Khi tàu ngừng hoạt động chuẩn bị được đưa vào khai thác thì phải thực hiện các loại hình kiểm tra sau đây và thực hiện cả việc kiểm tra liên quan tới các vấn đề cụ thể mà bị hoãn lại do tàu ngừng hoạt động, nếu có.
 - (1) Nếu chưa đến hạn kiểm tra chu kỳ khi tàu ngừng hoạt động thì phải thực hiện kiểm tra tương đương với kiểm tra chu kỳ quy định ở 2.4.
 - (2) Nếu đã quá hạn kiểm tra chu kỳ khi tàu ngừng hoạt động thì phải thực hiện kiểm tra chu kỳ quy định ở 2.4.

2.1.5 Chuẩn bị kiểm tra và các vấn đề liên quan khác

QCVN 74: 2022/BGTVT

- 1** Khi cần đưa tàu vào kiểm tra theo yêu cầu của Quy chuẩn này, chủ tàu có trách nhiệm thông báo trước cho Đăng kiểm biết nơi đưa tàu vào kiểm tra, thời gian tiến hành kiểm tra để đăng kiểm viên có thể thực hiện công việc kiểm tra vào thời điểm thích hợp nhất.
- 2** Chủ tàu hoặc đại diện của chủ tàu phải có trách nhiệm thực hiện việc chuẩn bị cho quá trình kiểm tra lần đầu, kiểm tra chu kỳ và các hình thức kiểm tra khác quy định trong Chương này.
- 3** Chủ tàu phải bố trí một giám sát viên nắm vững các hạng mục kiểm tra để chuẩn bị tốt công việc phục vụ kiểm tra và giúp đỡ đăng kiểm viên khi có yêu cầu trong suốt quá trình kiểm tra.
- 4** Kiểm tra có thể bị hoãn trong trường hợp không có đầy đủ sự chuẩn bị cần thiết, không có mặt của giám sát viên phù hợp với yêu cầu ở -3 trên, hoặc đăng kiểm viên thấy rằng việc kiểm tra không được đảm bảo an toàn.
- 5** Dựa trên kết quả kiểm tra, nếu thấy cần thiết phải sửa chữa, đăng kiểm viên phải thông báo kết quả kiểm tra của mình cho chủ tàu. Sau khi nhận được thông báo này, chủ tàu phải tiến hành công việc sửa chữa cần thiết và kết quả sửa chữa phải được đăng kiểm viên kiểm tra xác nhận.

2.2 Kiểm tra lần đầu trong đóng mới

2.2.1 Quy định chung

Đối với việc kiểm tra lần đầu trong đóng mới, các vấn đề liên quan đến hệ thống chống hà trên tàu phải được kiểm tra chi tiết để đảm bảo việc thỏa mãn các yêu cầu liên quan trong Quy chuẩn này.

2.2.2 Các bản vẽ và hồ sơ trình để tham khảo

- 1** Khi kiểm tra lần đầu trong quá trình đóng mới, các bản vẽ và hồ sơ sau phải được trình cho Đăng kiểm. Bản sao của chúng phải được lưu ở trên tàu.
 - (1) Đơn đặt hàng hệ thống chống hà;
 - (2) Hóa đơn bán hệ thống chống hà của nhà sản xuất;
 - (3) Bản vẽ và/hoặc hồ sơ mà trong đó có các thông số kỹ thuật của hệ thống chống hà dùng trên tàu, bao gồm bản vẽ/hồ sơ mà chỉ ra các khu vực áp dụng hệ thống chống hà và các quy trình, bảng thông số an toàn hóa chất (MSDS) cho hệ thống chống hà sử dụng trên tàu;
 - (4) Bản khai chứng nhận rằng hệ thống chống hà sử dụng trên tàu thỏa mãn các quy định ở 3.2 do nhà sản xuất cấp, trong đó bao gồm cả Số đăng ký hóa chất quốc tế (CAS No.).
- 2** Đối với tàu có tổng dung tích nhỏ hơn 400 và hoạt động tuyến quốc tế, bản khai theo mẫu nêu ở Phụ lục 2 của Phụ lục 4 của Công ước được chủ tàu hoặc đại diện chủ tàu ký phải được lưu ở trên tàu và các bản sao phải được trình Đăng kiểm.

2.2.3 Sự có mặt của đăng kiểm viên

Nói chung, đăng kiểm viên phải có mặt ở những bước công việc sau đây mà liên quan đến hệ thống chống hà. Tuy nhiên, quy định này có thể được thay đổi khi xem xét đến tình trạng thực tế của cơ sở vật chất, khả năng kỹ thuật và kiểm soát chất lượng ở các cơ sở sản xuất đó.

- (1) Thời điểm mà vật liệu hoặc sơn... của hệ thống chống hà được áp dụng lên tàu;
- (2) Những thời điểm thích hợp trong hoặc sau quá trình áp dụng hệ thống chống hà.

2.3 Kiểm tra lần đầu đối với tàu không có giám sát của Đăng kiểm trong đóng mới

2.3.1 Quy định chung

1 Đối với kiểm tra lần đầu những tàu không có giám sát của Đăng kiểm trong đóng mới, các vấn đề liên quan đến hệ thống chống hà áp dụng trên tàu nêu ở (1) đến (3) dưới đây phải được kiểm tra để đảm bảo thỏa mãn các yêu cầu liên quan trong Quy chuẩn. Nếu thấy cần thiết, Đăng kiểm có thể yêu cầu lấy mẫu lớp sơn theo quy định nêu ở -2 dưới đây đối với bất kỳ hệ thống chống hà hiện có nào để kiểm tra lại sự thỏa mãn.

- (1) Trong trường hợp hệ thống chống hà thỏa mãn những yêu cầu ở 3.2 đã được sử dụng trên tàu: hệ thống chống hà hiện có và hệ thống chống hà được áp dụng mới và việc áp dụng nó;
- (2) Trong trường hợp bất kỳ hệ thống chống hà nào không thỏa mãn các yêu cầu ở 3.2 đã được sử dụng trên tàu và hệ thống chống hà thỏa mãn được sử dụng trên tàu sau khi loại bỏ bất kỳ hệ thống chống hà không thỏa mãn nào: việc loại bỏ hệ thống chống hà không thỏa mãn hiện có và áp dụng mới hệ thống chống hà thỏa mãn và việc áp dụng nó;
- (3) Trong trường hợp bất kỳ hệ thống chống hà nào không thỏa mãn các yêu cầu ở 3.2 đã được sử dụng trên tàu và hệ thống chống hà thỏa mãn được áp dụng lên trên lớp chắn của bất kỳ hệ thống chống hà không thỏa mãn nào hiện có và hệ thống chống hà thỏa mãn đó được áp dụng phù hợp với các quy định ở 3.3: lớp chắn và hệ thống được áp dụng mới và việc áp dụng chúng.

2 Việc lấy mẫu lớp sơn nêu ở -1 trên, nếu thực hiện, phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- (1) Vị trí lấy mẫu trên thân tàu phải được lựa chọn theo hướng dẫn của đăng kiểm viên. Nói chung, trong trường hợp cần thiết phải kiểm tra xác nhận tình trạng chung của lớp sơn thì phải lựa chọn 9 vị trí ở đáy và hai mạn của phần mũi, giữa và đuôi tàu.
- (2) Việc lấy mẫu và phân tích lớp sơn phải được thực hiện bởi nhà sản xuất sơn hoặc tổ chức được Đăng kiểm công nhận. Đối với lớp sơn có hợp chất hữu cơ chứa thiếc thì phương pháp lấy mẫu phải được thực hiện theo hướng dẫn nêu ở Phụ lục của Nghị quyết MEPC.356(78).
- (3) Tiêu chuẩn thỏa mãn của kết quả phân tích phải phù hợp với các quy định liên quan nêu ở mục 3.2.

2.3.2 Các bản vẽ và hồ sơ trình để tham khảo

- 1** Trong trường hợp nêu ở 2.3.1-1(1), các bản vẽ và hồ sơ sau đây phải được trình Đăng kiểm. Bản sao của chúng phải được lưu trên tàu.
 - (1) Đơn đặt hàng hệ thống chống hà;
 - (2) Hóa đơn của hệ thống chống hà do nhà sản xuất cấp;
 - (3) Bản vẽ và/ hoặc hồ sơ chỉ ra các đặc tính của bất kỳ hệ thống chống hà hiện có được áp dụng trên tàu (bao gồm bất kỳ hệ thống được áp dụng trước đó mà còn lại dưới dạng lớp sơn hiện có), bao gồm các bản vẽ/ hồ sơ chỉ ra những khu vực mà hệ thống chống hà được áp dụng và quy trình áp dụng chúng, bản thông số an toàn hóa chất (MSDS) cho bất cứ hệ thống chống hà nào áp dụng trên tàu;
 - (4) Giấy chứng nhận hoặc bản khai chứng nhận bất kỳ hệ thống chống hà nào sử dụng trên tàu thỏa mãn các quy định nêu ra ở 3.2 do nhà sản xuất cấp, trong đó bao gồm cả Số đăng ký hóa chất quốc tế (CAS No.);
 - (5) Hồ sơ hoặc Giấy chứng nhận chỉ ra sự khởi công của hệ thống chống hà hiện có do đơn vị đóng và/ hoặc nhà thầu cấp;
 - (6) Trong trường hợp mà hệ thống chống hà được áp dụng mới lên tàu, các bản khai do nhà sản xuất cấp chứng nhận rằng bất kỳ hệ thống chống hà được sử dụng trên tàu đều thỏa mãn các yêu cầu ở 3.2, trong đó bao gồm cả Số đăng ký hóa chất quốc tế (CAS No.), và hồ sơ hoặc Giấy chứng nhận chỉ ra việc khởi công liên quan đến các hệ thống chống hà đó do đơn vị đóng và/ hoặc nhà thầu cấp.
- 2** Trong trường hợp nêu ở 2.3.1-1(2), ngoài các bản vẽ và hồ sơ liệt kê ở -1(1), (2), (5) và (6) bên trên thì các bản vẽ và hồ sơ sau đây phải được trình Đăng kiểm. Bản sao của chúng phải được lưu trên tàu.
 - (1) Bản vẽ và/ hoặc hồ sơ chỉ ra các đặc tính của công việc loại bỏ bất kỳ hệ thống chống hà nào hiện có trên tàu;
 - (2) Hồ sơ hoặc Giấy chứng nhận do đơn vị đóng và/ hoặc nhà thầu cấp, chỉ ra sự khởi đầu của bất kỳ công việc nào để loại bỏ hệ thống chống hà hiện có.
- 3** Trong trường hợp nêu ở 2.3.1-1(3), ngoài các bản vẽ và hồ sơ liệt kê ở -1(1), (2), (3), (5) và (6) bên trên thì các bản vẽ và hồ sơ sau đây phải được trình Đăng kiểm. Bản sao của chúng phải được lưu trên tàu.
 - (1) Đơn đặt hàng lớp bọc;
 - (2) Hóa đơn lớp bọc do nhà sản xuất cấp;
 - (3) Bản vẽ và/ hoặc hồ sơ chỉ ra các đặc tính của các công việc nhằm che phủ tất cả các hệ thống chống hà hiện có trên tàu;
 - (4) Giấy chứng nhận hoặc bản khai của lớp bọc do nhà sản xuất cấp, trong đó bao gồm cả Số đăng ký hóa chất quốc tế (CAS No.);
 - (5) Hồ sơ hoặc Giấy chứng nhận do đơn vị đóng và/ hoặc nhà thầu cấp, chỉ ra sự khởi

đầu của bất kỳ công việc nào để che phủ hệ thống chống hà hiện có trên tàu.

- 4 Đối với những tàu có tổng dung tích nhỏ hơn 400 và hoạt động tuyến quốc tế, bản khai theo mẫu nêu ở Phụ lục 2 của Phụ lục 4 của Công ước được chủ tàu hoặc đại diện chủ tàu ký phải được lưu ở trên tàu và các bản sao phải được trình Đăng kiểm.

2.3.3 Sự có mặt của đăng kiểm viên

Nói chung, đăng kiểm viên phải có mặt ở những bước công việc sau đây mà liên quan đến hệ thống chống hà. Tuy nhiên, quy định này có thể được thay đổi khi xem xét đến tình trạng thực tế của cơ sở vật chất, khả năng kỹ thuật và kiểm soát chất lượng ở các cơ sở sản xuất đó.

- (1) Thời điểm mà vật liệu hoặc sơn... của hệ thống chống hà được áp dụng lên tàu;
- (2) Trong các trường hợp mà bất kỳ hệ thống chống hà không thỏa mãn hiện có trên tàu bị loại bỏ hoặc được phủ lên bởi lớp chần: các dịp thích hợp trong và sau khi thực hiện công việc loại bỏ/ che phủ đó;
- (3) Trong các trường hợp mà bất kỳ hệ thống chống hà thỏa mãn nào được áp dụng mới lên tàu: các dịp thích hợp trong hoặc sau khi thực hiện các công việc đối với hệ thống chống hà đó.

2.4 Kiểm tra chu kỳ

2.4.1 Quy định chung

- 1 Trong kiểm tra chu kỳ, phải kiểm tra tình trạng quản lý các bản vẽ và hồ sơ nêu ở 2.2.2 hoặc 2.3.2, tùy thuộc trường hợp nào được áp dụng. Đăng kiểm có thể yêu cầu lấy mẫu lớp sơn của hệ thống chống hà để kiểm tra lại sự phù hợp trong các trường hợp dưới đây.
 - (1) Các bản vẽ và hồ sơ quy định ở 2.2.2 hoặc 2.3.2 không được chuẩn bị; hoặc
 - (2) Có bằng chứng về thực hiện công việc sơn đáng kể trên thân tàu sau đợt kiểm tra trước đó.
- 2 Trong bất kỳ đợt kiểm tra chu kỳ nào mà được tiến hành vào thời gian kiểm tra trên đà trong ụ khô hoặc trên triền, ngoài những mục nêu ở -1 trên, thì cũng phải kiểm tra tình trạng của lớp chần che phủ hệ thống chống hà hiện có. Trong trường hợp Đăng kiểm thấy rõ ràng là lớp chần hoặc hệ thống chống hà được áp dụng lên lớp chần không còn duy trì ở trên thân tàu thì có thể yêu cầu lấy mẫu lớp sơn của hệ thống chống hà để kiểm tra lại sự phù hợp đó.
- 3 Không phụ thuộc vào các quy định ở -1 và -2 bên trên, kiểm tra chu kỳ mà thay thế cho kiểm tra bất thường theo quy định ở 2.1.2-1(3) thì phải được tiến hành phù hợp với các quy định nêu ở 2.5.
- 4 Việc lấy mẫu lớp sơn nêu ở -1 và -2 trên, nếu thực hiện, phải phù hợp với các yêu cầu nêu ở 2.3.1-2.

2.5 Kiểm tra bất thường

2.5.1 Quy định chung

- 1** Trong trường hợp mà hệ thống chống hà được sửa đổi hoặc thay thế, thì phải tiến hành kiểm tra bất thường và hệ thống chống hà trên tàu đó phải được xác nhận là thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn đi đôi với các yêu cầu nêu ở 2.3.
- 2** Không phụ thuộc vào yêu cầu ở -1 nêu trên, trong các trường hợp mà hệ thống chống hà không bị sửa đổi và tất cả các bản vẽ và hồ sơ liệt kê ở 2.3.2 được trình Đăng kiểm và thông qua các bản vẽ/ hồ sơ đó có thể xác nhận được việc hệ thống chống hà đó có phù hợp với Quy chuẩn hay không thì có thể bỏ qua việc kiểm tra tại hiện trường của đăng kiểm viên.
- 3** Để thực hiện kiểm tra, thay cho việc kiểm tra thông thường theo truyền thống mà cần có mặt của đăng kiểm viên, thì Đăng kiểm có thể chấp nhận các phương pháp kiểm tra khác với điều kiện việc kiểm tra đó có thể mang lại các thông tin tương đương.

CHƯƠNG 3 HỆ THỐNG CHỐNG HÀ VÀ LỚP CHẮN

3.1 Quy định chung

3.1.1 Phạm vi áp dụng

Các yêu cầu của Chương này áp dụng cho hệ thống chống hà trên tất cả các tàu thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại 1.1 Mục I của Quy chuẩn này.

3.2 Hệ thống chống hà

3.2.1 Quy định chung

Hệ thống chống hà trên tàu phải được kiểm soát để hạn chế bất cứ chất nào có hại đối với môi trường biển được sử dụng trong hệ thống chống hà theo các quy định nêu ở 3.2.2 và 3.2.3.

3.2.2 Hợp chất hữu cơ có chứa thiếc

Hệ thống chống hà trên tàu không được sử dụng bất cứ hợp chất hữu cơ chứa thiếc nào mà có hàm lượng vượt quá các quy định riêng biệt của Đăng kiểm.

Trong trường hợp hệ thống chống hà sử dụng sơn thì hàm lượng thiếc trong 1 kg sơn khô không được vượt quá 2.500 mg.

3.2.3 Chất Cybutryne

Hệ thống chống hà trên tàu không được sử dụng chất Cybutryne (CAS No. 28159-98-0).

Trong trường hợp hệ thống chống hà sử dụng sơn thì hàm lượng Cybutryne trong 1 kg sơn khô không được vượt quá 1.000 mg.

3.3 Lớp chắn

3.3.1 Quy định chung

Trong trường hợp hệ thống chống hà không thỏa mãn yêu cầu ở 3.2 đã được áp dụng trên tàu và không thể loại bỏ được, thì hệ thống chống hà hiện có đó phải được phủ bằng lớp bọc thỏa mãn yêu cầu ở (1) và (2) dưới đây.

- (1) Lớp bọc phải là loại sơn được nhà sản xuất khuyến cáo nhằm tạo thành lớp chắn ngăn không cho các chất quy định ở 3.2.2 và/ hoặc 3.2.3 của hệ thống chống hà không thỏa mãn Quy chuẩn ở bên dưới lớp bọc đó thấm ra ngoài; và
- (2) Màu của lớp bọc phải sao cho có thể phân biệt được so với màu của hệ thống chống hà bên dưới và màu của hệ thống chống hà được áp dụng mới lên trên lớp bọc đó.

3.3.2 Các miễn giảm

Mặc dù quy định ở 3.3.1 trên, các tàu nêu ở (1) và (2) dưới đây không cần phải áp dụng lớp chắn:

- (1) Trường hợp hệ thống chống hà hiện có của tàu có chứa hợp chất hữu cơ chứa thiếc: giàn cố định hoặc di động, kho chứa nổi (FSU) và kho chứa nổi dùng để sản xuất,

QCVN 74: 2022/BGTVT

chứa và xuất dầu (FPSO) nếu các phương tiện này không được đưa lên ụ khô.

- (2) Trường hợp hệ thống chống hà hiện có của tàu có chứa chất Cybutryne:
 - (a) Giàn cố định hoặc di động, kho chứa nổi (FSU) và kho chứa nổi dùng để sản xuất, chứa và xuất dầu (FPSO) nếu các phương tiện này không được đưa lên ụ khô;
 - (b) Tàu không hoạt động tuyến quốc tế; và
 - (c) Tàu hoạt động tuyến quốc tế nhưng có tổng dung tích GT < 400.

III QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

1.1 Quy định chung

Hệ thống chống hà của tàu, trừ giàn cố định hoặc di động, kho chứa nổi (FSU) và kho chứa nổi dùng để sản xuất, chứa và xuất dầu (FPSO), phải được kiểm tra và chứng nhận như quy định tương ứng ở mục 1.2 và 1.3 dưới đây.

1.2 Quy định về giám sát kỹ thuật

Hệ thống chống hà phải được kiểm tra với nội dung phù hợp với Chương 2 Mục II của Quy chuẩn này.

1.3 Chứng nhận

- 1 Tàu chạy tuyến quốc tế có hệ thống chống hà thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn này sẽ được cấp "Giấy chứng nhận quốc tế về hệ thống chống hà của tàu" theo mẫu quy định ở Công ước AFS 2001.
- 2 Tàu không chạy tuyến quốc tế có hệ thống chống hà thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn này sẽ được cấp "Giấy chứng nhận phù hợp cho hệ thống chống hà của tàu" theo mẫu quy định ở Phụ lục của Quy chuẩn này.
- 3 Giấy chứng nhận nêu ở -1 và -2 trên không có thời hạn với điều kiện hệ thống chống hà của tàu được duy trì phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn này và tự mất hiệu lực nếu hệ thống chống hà của tàu không được duy trì phù hợp với Quy chuẩn này hoặc bị thay đổi, thay thế mà không được kiểm tra, xác nhận phù hợp.
- 4 Việc chứng nhận hệ thống chống hà tàu biển được thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT.

IV TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

1.1 Trách nhiệm của các chủ tàu, công ty khai thác, cơ sở chế tạo mới, hoán cải, phục hồi và sửa chữa hệ thống

1.1.1 Các chủ tàu, công ty khai thác tàu

Thực hiện đầy đủ các quy định nêu trong Quy chuẩn này khi hệ thống được áp dụng mới, hoán cải, phục hồi, khai thác nhằm đảm bảo và duy trì tình trạng kỹ thuật của hệ thống.

1.1.2 Các cơ sở chế tạo mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa hệ thống

- 1 Phải có đủ năng lực, bao gồm cả trang thiết bị, cơ sở vật chất và nhân lực có trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu chế tạo mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa hệ thống.
- 2 Phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường khi chế tạo mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa hệ thống.
- 3 Chịu sự kiểm tra giám sát của Cục Đăng kiểm Việt Nam về chất lượng và yêu cầu kỹ thuật của hệ thống.

1.2 Trách nhiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam

1.2.1 Giám sát

Bố trí các đăng kiểm viên có năng lực, đủ tiêu chuẩn để thực hiện việc giám sát trong chế tạo mới, hoán cải, phục hồi, sửa chữa và khai thác hệ thống phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu trong Quy chuẩn này.

1.2.2 Hướng dẫn thực hiện/ áp dụng

Hướng dẫn thực hiện các quy định của Quy chuẩn này đối với các chủ tàu, công ty khai thác, cơ sở chế tạo mới, hoán cải, phục hồi và sửa chữa hệ thống, các đơn vị Đăng kiểm trong phạm vi cả nước.

1.2.3 Rà soát và cập nhật Quy chuẩn

Báo cáo và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này theo định kỳ năm năm một lần hoặc sớm hơn khi cần thiết, kể từ ngày ban hành.

V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- 1** Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức hệ thống kiểm tra, giám sát kỹ thuật và cấp giấy chứng nhận cho hệ thống chống hà trên tàu biển; tổ chức in ấn, phổ biến Quy chuẩn này cho các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện/ áp dụng.
- 2** Trong trường hợp các tài liệu được viện dẫn trong Quy chuẩn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo nội dung đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế có hiệu lực của tài liệu đó.
- 3** Quy chuẩn này cũng như các bổ sung, sửa đổi được áp dụng cho hệ thống chống hà của các tàu có giai đoạn bắt đầu đóng mới vào hoặc sau ngày Quy chuẩn này có hiệu lực. Đối với các tàu có giai đoạn bắt đầu đóng mới trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực thì phải áp dụng các quy định của Quy chuẩn này vào đợt kiểm tra trên đà đầu tiên vào hoặc sau ngày Quy chuẩn này có hiệu lực.

PHỤ LỤC – MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHO HỆ THỐNG CHỐNG HÀ CỦA TÀU



CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

AFS.B

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP CHO HỆ THỐNG CHỐNG HÀ CỦA TÀU

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn quốc gia: QCVN 74: 2014/BGTVT

Số: _____

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM cấp theo các quy định của “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống chống hà tàu biển” (QCVN 74: 2014/BGTVT, sau đây gọi tắt là “Quy chuẩn”).

Đặc điểm tàu

Tên tàu	Số đăng ký hoặc hồ hiệu	Cảng đăng ký	Tổng dung tích	Số phân cấp

Hệ thống chống hà được kiểm soát theo Chương 3 Mục II của Quy chuẩn đã không được sử dụng trong quá trình hoặc sau khi đóng tàu này: _____ ☐

Hệ thống chống hà được kiểm soát theo Chương 3 Mục II của Quy chuẩn đã được sử dụng cho tàu trước đây, nhưng đã được loại bỏ bởi¹ _____ vào ngày: _____ ☐

Hệ thống chống hà được kiểm soát theo Chương 3 Mục II của Quy chuẩn đã được sử dụng cho tàu trước đây, nhưng đã được phủ bằng một lớp bọc bởi¹ _____ vào ngày: _____ ☐

Hệ thống chống hà được kiểm soát theo Chương 3 Mục II của Quy chuẩn đã được sử dụng cho tàu trước ngày²: _____
nhưng phải được loại bỏ hoặc phủ bằng một lớp bọc trước ngày³: _____ ☐

CHỨNG NHẬN RẰNG:

- Tàu đã được kiểm tra theo Chương 2 Mục II của Quy chuẩn; và
- Đợt kiểm tra cho thấy hệ thống chống hà của tàu tuân thủ các yêu cầu áp dụng của ở Chương 3 Mục II của Quy chuẩn.

Ngày hoàn thành kiểm tra làm cơ sở để cấp giấy chứng nhận này: _____

Cấp tại: _____ Ngày: _____

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Ghi chú:

1 Tên của cơ sở sửa chữa;
2 Ngày có hiệu lực của biện pháp kiểm soát;
3 Ngày hết hạn của bất kỳ giai đoạn áp dụng quy định ở 1.5 Mục V của Quy chuẩn.